

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/DSST**  
Ngày 29/4/2022  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Văn Động**  
2. Ông **Lê Thanh Liêm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 07/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 24/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Thành M** – sinh năm 1971 (có mặt)

Bà **Nguyễn Thị H (C)** – sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 66, ấp T, xã Tân T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Quang T** – sinh năm 1976 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Bà **Nguyễn Thị Thu T** – sinh năm 1975 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: tổ 17, ấp K , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 27/01/2021, nguyên đơn ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Nguyên trước đây vợ chồng ông M, bà H có tham gia chơi 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị Thu T, ông Trần Quang T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 15/6/2018, bà T mở dây hụi tháng có 22 chân. Ông M, bà H tham gia chơi 1 chân với số tiền là 2.000.000đ/chân, Ông bà đóng hụi sống được 21 lần, tổng cộng là 42.000.000đ. Hụi mãn vào ngày 09/3/2020. Lẽ ra bà T, ông T phải trả cho ông bà số tiền là 42.000.000đ.

- Vào ngày 09/01/2019, bà T mở dây hụi tháng có 15 chân, ông M, bà H chơi 1 chân với số tiền là 5.000.000đ/chân. Ông bà đóng hụi được 14 lần, tổng cộng là 70.000.000đ. Hụi mãn vào ngày 09/3/2020. Lẽ ra bà T, ông T phải trả cho ông bà số tiền là 70.000.000đ.

- Vào ngày 08/9/2019, bà T1 mở dây hụi tuần có 30 chân, ông M, bà H chơi 4 chân với số tiền là 500.000đ/chân, mỗi tuần tôi đóng 2.000.000đ, Ông bà đóng hụi được 25 tuần, tổng cộng là 50.000.000đ.

Đối với các dây hụi đều có biên nhận hụi, do bà T viết, có ông T, bà T ký tên. Như vậy, ông T, bà T còn nợ ông M, bà H 03 dây hụi với tổng số tiền là 42.000.000đ + 70.000.000đ + 50.000.000đ = 162.000.000đ. Khi ông T, bà T tuyên bố bẻ hụi nhưng không giao số tiền trên cho ông M, bà H.

Tại phiên tòa, ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền là 162.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

**\* Theo bản tự khai ngày 27/4/2022 và biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:**

Tên thường gọi của bà Nguyễn Thị H là chị C. Bà Nguyễn Thị Thu T xác nhận là ông M, bà H là hội viên tham gia 03 dây hụi do bà T làm chủ hụi như ông M, bà H trình bày là đúng.

Bà T xác nhận là hiện nay bà còn nợ của ông M, bà H số tiền hụi tổng cộng là 162.000.000đ. Đối với các dây hụi đều có biên nhận hụi, do bà T viết, có vợ chồng bà ký tên. Chồng bà là ông Trần Quang T biết việc ông M, bà H tham gia chơi hụi.

Tại Tòa án, bà T xác nhận vợ chồng bà T, ông T còn nợ của ông M, bà H số tiền là 162.000.000đ. Bà T xin trả dần, 04 tháng bà trả 01 lần, mỗi lần trả 10.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

\* Tòa án có triệu tập ông Trần Quang T để hòa giải, nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T có địa chỉ cư trú tại huyện T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Xét thấy, bị đơn ông Trần Quang T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của ông M, bà H tại Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã có ý kiến xác nhận và tham gia hòa giải tại Tòa án. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông

T, bà T không tham gia phiên tòa.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, nguyên đơn ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán số tiền hụi mà ông M, bà H đã đóng là 162.000.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng), đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T trả số tiền còn thiếu 162.000.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng) là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu T đã thừa nhận vợ chồng bà còn nợ ông M, bà H số tiền là 162.000.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng). Do đó, đây là tình tiết, sự kiện có thật, không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông T, bà T mở các dây hụi, ông M, bà H tham gia chơi hụi và đã đóng tiền hụi đối với các dây hụi cho ông T, bà T; sau đó ông T, bà T viết các biên nhận xác nhận số tiền ông bà còn nợ của ông M, bà H và ông T, bà T là người ký và ghi tên trực tiếp vào các tờ biên nhận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận. Do ông T, bà T tuyên bố bẽ hụi nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hụi đã đóng cho người tham gia chơi hụi nên ông M, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Chính vì vậy, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là 162.000.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc xin trả dần, 04 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 10.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả dần của bị đơn nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T trả cho nguyên đơn ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H số tiền là 162.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H là 162.000.000đ được tính như sau:  $162.000.000đ \times 5\% = 8.100.000đ$ .

Hoàn trả lại cho ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.050.000đ, do yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” với bị đơn ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T.

**2.** Buộc bị đơn ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H số tiền là 162.000.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí là 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Bùi Thành M, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008300, ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện T ;
- Chi cục THA huyện T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**